TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 84/2017/QĐST-HNGĐ	*Ngọc Lặc, ngày 26 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 85/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/7/2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị **A** – Sinh năm 1970
Địa chỉ: Thôn Thôn **D**, xã **E**, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh hóa.

Bị đơn: Anh Trịnh Hồng **B** – Sinh năm 1966
Nơi ĐKNKTT: Thôn **D**, xã **E**, huyện Ngọc Lặc, tỉnhThanh hóa.
Chổ ở hiện nay: Thôn **D**, xã **E**, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh hóa.

Căn cứ vào Điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2017

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lê Thị **A** – Sinh năm 1970
Địa chỉ: Thôn Thôn **D**, xã **E**, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh hóa.

Anh Trịnh Hồng **B** – Sinh năm 1966
Nơi ĐKNKTT: Thôn **D**, xã **E**, huyện Ngọc Lặc, tỉnhThanh hóa.

Chổ ở hiện nay: Thôn **D**, xã **E**, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh hóa.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Lê Thị **A** và anh Trịnh Hồng **B**.

Về con chung: Chị Lê Thị **A** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trịnh Đình **C** – Sinh ngày 13/10/2009 là con chung của anh **B** và chị **A**. Anh **B** có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2017 cho đến khi cháu thành niên.

Anh **B** có quyền thăm nom con, không ai được cản trở, ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí:

- Chị Lê Thị **A** chịu là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2015/0003852 ngày 26/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa. Chị **A** được nhận lại 150.000đ(Một trăm năm mươi nghìn) tiền tạm ứng án phí.

- Anh Trịnh Hồng **B** chịu 150.000đ*(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng định kỳ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- UBND xã **E**;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Ngọc Lâm